TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 29/11/2018
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ □N NHÂN DÂN HUYỆN **E** – T□NH THANH H□A

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Ngọc Lâm
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Đăng Thảnh
2. Ông Bùi Trung Thành.

- Th- ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Thanh Tân — Thư ký Tòa án nhân dân huyện **E**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E *tham gia phiên tòa:*
Bà Trần Thị Thuận – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 29/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện **E** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2018/TLST-HNGĐ ngày 31/8/2018 về việc*: Ly hôn* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXX-ST ngày 25/10/2018 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị A –** Sinh năm 1981
Địa chỉ: Làng **C**, xã **D**, huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn B** - sinh năm 1979
Địa chỉ: Làng **C**, xã **D**, huyện **E**, tỉnh Thanh hóa.
Tại phiên tòa có mặt chị **A**, vắng mặt anh **B** không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 15/8/2018 và bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị **A** trình bày*:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn **B** kết hôn với nhau nhau ngày 17/12/2002, việc kết hôn là do chị và anh **B** tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã **D**, huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa và đã được UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau được thời gian khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, anh **B** hay rượu chè rồi đánh đập vợ con, mâu thuẫn xảy ra nhiều lần, bản thân chị có khuyên ngăn anh **B** bớt rượu chè nhưng anh **B** không nghe mà ngày

càng say xỉn hơn. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ năm 2005 kéo dài đến năm 2015, việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp nhưng không có kết quả. Từ năm 2014 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai và năm 2016 chị về bên ngoại sinh sống, mỗi người sống mỗi nơi. Nay chị xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh **B** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **B**.

Về con chung: Chị và anh **B** có 01 con chung là Phạm Hùng **F** - Sinh ngày 13/01/2000. Hiện nay cháu đã thành niên.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Phạm Văn **B**:* Tòa án tiến hành các thủ tục tống đạt **A** lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh **B**, thông báo cho anh **B** ngày giờ đến Tòa án để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, hiện anh **B** đang có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương nhưng anh **B** không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên Tòa án không lấy được lời khai của anh **B**, không hòa giải được vụ án và tại phiên tòa anh **B** cũng vắng mặt không có lý do.

*Tại biên bản thu thập chứng cứ tại nơi cư trú – Trưởng Làng **C**, xã **D** cung cấp như sau*: Anh Phạm Văn **B** và chị Phạm Thị **A** tự nguyện kết hôn với nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống với gia đình nhà bố mẹ đẻ anh **B** ở Làng **C**, xã **D**, huyện **E**. Qúa trình vợ chồng chung sống cách đây vài năm thì anh chị xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm và tính cách sống không **A** nhau. Do mâu thuân ngày càng trầm trọng nên đến năm 2017 đến nay chị **A** về bên ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Việc mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải, dàn xếp nhưng không có kết quả. Nay chị **A** có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 01 con chung. Hiện nay cháu đã thành niên và đang sinh sống tại địa phương. Về tài sản, công nợ chung: Địa phương không nắm được.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ- ợc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Các đ- ơng sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đ- a ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đ- ơng sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về hôn nhân: Xử cho chị **A** và anh **B** được ly hôn.
- Về con chung: Anh chị có 01 con chung: Cháu Phạm Hùng **F** - Sinh ngày 13/01/2000. Hiện nay cháu đã thành niên.
- Về án phí: Chị **A** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay chị **A** vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh **B** đã đ- ợc triệu tập hợp lệ lần 2 nh- ng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 điều 227 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn **B**.

[2]Về hôn nhân: Chị Phạm Thị **A** và anh Phạm Văn **B** kết hôn với nhau từ năm 2002, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Chị **A** cho rằng Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng không **A** tính nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, anh **B** hay rượu chè rồi đánh đập vợ con, mâu thuẫn xảy ra nhiều lần, bản thân chị có khuyên ngăn anh **B** bớt rượu chè nhưng anh **B** không nghe mà ngày càng say xỉn hơn. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ năm 2005 kéo dài đến năm 2015, việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp nhưng không có kết quả. Từ năm 2014 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai và năm 2016 chị về bên ngoại sinh sống, mỗi người sống mỗi nơi. Đối với anh **B**, Tòa án đã triệu tập **A** lệ nhiều lần và tại phiên tòa hôm nay anh **B** vẫn vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện anh **B** có thái độ bỏ mặc và không có thiện chí đoàn tụ cùng chị **A**. Nay chị **A** yêu cầu được ly hôn anh **B**.

Xét tình cảm của anh chị thực tế không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn đ- ợc, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị **A**. Xử cho chị Phạm Thị **A** đ- ợc ly hôn với anh Phạm Văn **B** là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]Về con chung: Anh Tuán, chị **A** có 01 con chung: Cháu Phạm Hùng **F** - Sinh ngày 13/01/2000. Hiện nay cháu đã thành niên.

[4]Về tài sản, công nợ chung: Chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]Về án phí: Chị **A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị **A** được ly hôn với anh Phạm Văn **B**.

2. Về con chung: Anh **B**, chị **A** có 01 con chung: Cháu Phạm Hùng **F** - Sinh ngày 13/01/2000. Hiện nay cháu đã thành niên.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: □p dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị **A** phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí DSST, nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số AA/2016/0002042 ngày 24/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện **E**, Chị **A** đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **A** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **B** vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đ- ơng sự;
*- VKS huyện **E**;*
*- THA huyện **E**;*
*- UBND xã **D**;*
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**